

Bản án số: 39/2020/KDTM-ST

Ngày: 14/7/2020.

V/v: “tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Kim Thuận
2. Ông Trần Phú Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST- KDTM ngày 10/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và nạo vét ĐT.

Địa chỉ: Số 35 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H và bà Đỗ Thị Thanh H

Địa chỉ: Số 35 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, quận B, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu SB.

Địa chỉ trụ sở: số 283/26 Cách Mạng Tháng 8, Phường T, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc L, sinh năm 1970

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/7/2014, Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và nạo vét ĐT (gọi tắt công ty ĐT) và Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu SB (gọi tắt công ty SB) đã ký Hợp đồng mua bán số 072/2014H/ HĐMB với nội dung công việc là bên B bán cát và đổ xuống móng đê công trình đê chắn sóng theo yêu cầu và chỉ dẫn

của ban điều hành Bên A, tạo điều kiện cho bên A thí nghiệm cát và đo đặc khối lượng làm cơ sở để tư vấn, chủ đầu tư nghiệm thu. Giá trị hợp đồng là 28.302.831.000 đồng; ngày 11/7/2014 Bên A đã tạm ứng cho bên B số tiền 1.000.000.000 đồng theo lệnh chi số 033.

Do điều kiện khách quan nên hợp đồng số 072/2014H/ HĐMB ngày 07/7/2014 không thực hiện được, ngày 17/11/2015 nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 072/2014H/ HĐMB ngày 07/7/2014 với nội dung là “ Bên A đã tạm ứng cho bên B số tiền 1.000.000.000 đồng. Bên B phải trả lại cho bên A số tiền 1.000.000.000 đồng”. Sau đó công ty ĐT đã nhiều lần liên hệ và cử người đến công ty SB đề nghị thanh toán nhưng công ty SB lấy lý do khó khăn và hứa hẹn trả, công ty SB không đồng ý ký biên bản đối chiếu công nợ và không trả tiền nợ theo đề nghị thanh toán ngày 20/8/2019 của công ty ĐT đã gửi cho công ty SB.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 1.519.000.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 519.000.000 đồng (tạm tính đến hết ngày 31/8/2019).

Ngày 09/6/2020 nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

-Yêu cầu Tòa án chấm dứt Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn.

- Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả và tiền lãi suất chậm trả theo quy định Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/7/2020.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn-Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu SB: Ông Trương Ngọc L có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày: Vào năm 2009- 2010, ông không nhớ chính xác năm, ông có đi làm thuê cho em rể ông ở Thành phố H, lúc đó em rể đã thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu SB, sau đó em rể có nói ông đưa đưa giấy tờ tùy thân để làm người đại diện theo pháp luật của công ty .

Ông không biết gì về Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014 và số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng cũng như tiền lãi phát sinh, ông không có ý kiến gì về số tiền nợ này vì bản thân ông không biết và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Xét bị đơn có trụ sở tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/11/2015 tại Điều 2 có nội dung “ Giá trị hợp đồng : 0 đồng; Bên A đã tạm ứng cho bên B số tiền 1.000.000.000 đồng. Bên B phải trả lại cho bên A số tiền 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỉ đồng chẵn) ”. Điều 3 “ Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014 sẽ hết hiệu lực kể từ khi bên B thanh toán hết số tiền cho bên A. Thanh lý hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký”.

Căn cứ vào văn bản đề nghị thanh toán ngày 20/8/2019 của công ty ĐT có nội dung yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng trước ngày 31/8/2019 và lời khai của bị đơn đã chứng minh đến nay bị đơn chưa thanh toán số tiền nợ của nguyên đơn theo biên bản thanh lý ngày 17/11/2015; Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng chẵn); do đó căn cứ tại các Điều 116, 117, 118, 119, 120, 385, 386, 388, 390, 391, 398, 399, 400, 401, 402, 422 và Điều 423 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấm dứt Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn; buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày 14/7/2020.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền ... và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”. Qua tham khảo mức lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có lãi suất cho vay trung bình là 10,5%/ năm; Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam là 9%/năm và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là 8,5%/năm. Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là

14%/năm, tương đương 0,0386%/ngày. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn được tính như sau: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,0386\%/ngày = 386.000 \text{ đồng/ngày}$. Bị đơn chậm thanh toán 313 ngày : $386.000 \text{ đồng} \times 313 = 120.818.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 1.120.818.000 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244, khoản điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 116, 117, 118, 119, 120, 385, 386, 388, 390, 391, 398, 399, 400, 401, 402, 422 và Điều 423 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Chấm dứt Hợp đồng mua bán số 072/2014H/HĐMB ngày 07/7/2014 ký kết giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và nạo vét ĐT với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu SB.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu SB hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và nạo vét ĐT số tiền 1.120.818.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu tám trăm mười tám ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu SB phải chịu án phí là 45.624.540 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi đồng).

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và nạo vét ĐT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và nạo vét ĐT số tiền tạm ứng án phí là 28.785.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014093 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và nạo vét ĐT và Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu SB có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đường sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú